

TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI NGÂN ĐỊNH KỲ 3 CHƯƠNG TRÌNH MTQG 2021-2025
(NÔNG THÔN MỚI; GIẢM NGHÈO VÀ PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTSMN) CHUYỂN SANG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Hùng Sơn)

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn kéo dài thực hiện năm 2026 (đồng)			Kết quả giải ngân thời điểm báo cáo (đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)		
		Tổng	Trong đó		Tổng cộng	Tổng	Trong đó	
			NSTW	NS TP			NSTW	NS TP
TỔNG CỘNG		39.721.448.322	31.586.942.843	8.134.505.479	6.364.358.000	16,02%	19,66%	1,90%
	Vốn đầu tư	20.922.452.843	17.570.074.843	3.352.378.000	5.776.358.000	27,61%	32,00%	4,60%
	Trong nước	20.922.452.843	17.570.074.843	3.352.378.000	5.776.358.000	27,61%	32,00%	4,60%
	Vốn sự nghiệp	18.798.995.479	14.016.868.000	4.782.127.479	588.000.000	3,13%	4,19%	0,00%
A	Chương trình MTQG xây dựng NTM	667.748.170	28.092.000	639.656.170	0	0,00%	0,00%	0,00%
	Vốn đầu tư	370.206.000	28.092.000	342.114.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
a	Đã quyết toán	370.206.000	28.092.000	342.114.000	0	0	0	0
	Trong nước	370.206.000	28.092.000	342.114.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
1	Hạ thế điện thôn Voong	28.092.000	28.092.000		-	0,00%	0,00%	
2	Kiên cố hóa mặt đường GTNT thôn từ Ngã ba Đồn Gari đến thôn Pút và Pool; hạng mục: nền-mặt đường và cống thoát nước	57.784.000		57.784.000	-	0,00%		0,00%
3	Trường PTDTBT Tiểu học Axan điểm trường thôn Ga'nil, hạng mục: 03 phòng học	2.570.000		2.570.000	-	0,00%		0,00%
4	Nâng cấp tuyến đường liên thôn từ thôn Réh đến Atu 1, xã Ch'om; hạng mục: cầu, cống, mương thoát nước, sửa nền đường, mặt đường lý trình; Km0+00-Km7+00	17.638.000		17.638.000	-	0,00%		0,00%

5	Đường giao thông nông thôn từ thôn Nhung đi thôn Achoong; hạng mục: mặt đường và mương thoát nước	6.967.000		6.967.000	-	0,00%		0,00%
6	Bê tông hóa GTNT tuyến đường từ thôn Nhung đi thôn Achoong; hạng mục: mặt đường-mương thoát nước	63.610.000		63.610.000	-	0,00%		0,00%
7	Kiên cố hóa mặt đường GTNT thôn Atu II; hạng mục: mặt đường	148.000		148.000	-	0,00%		0,00%
8	Cầu treo R'đing qua Anong	22.212.000		22.212.000	-	0,00%		0,00%
9	Xây dựng mương thoát nước thôn Ch'lăng (khu II)	27.042.000		27.042.000	-	0,00%		0,00%
10	Đường giao thông nội vùng thôn Glao; hạng mục: mặt đường, mương thoát nước và 01 công hộp	13.181.000		13.181.000	-	0,00%		0,00%
11	Đường công vụ vào khu sản xuất A'leo; hạng mục: nền đường; lý trình: Km0+00-Km1+721	90.935.000		90.935.000	-	0,00%		0,00%
12	Mở đường vào khu sản xuất Adác, thôn Achoong; hạng mục: nền đường và các công trình trên tuyến; lý trình: Km0+00-Km1+253,64	6.044.000		6.044.000	-	0,00%		0,00%
13	Mở đường vào khu sản xuất từ thôn Cha'lăng đi Adăm; hạng mục: nền đường và các công trình trên tuyến; lý trình: Km0+00-Km2+5,69	33.983.000		33.983.000	-	0,00%		0,00%
b	Vốn sự nghiệp	297.542.170	0	297.542.170	0	0,00%		0,00%
<i>b.1</i>	<i>Nội dung tham mưu phân bổ 1: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa</i>	<i>283.193.400</i>	<i>0</i>	<i>283.193.400</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>		<i>0,00%</i>
1	Điều chỉnh quy hoạch NTM xã Axan	41.785.000		41.785.000	-	0,00%		0,00%
2	Điều chỉnh quy hoạch NTM xã Gari	100.757.400		100.757.400	-	0,00%		0,00%
3	Điều chỉnh quy hoạch NTM xã Ch'ôm	48.527.000		48.527.000	-	0,00%		0,00%
4	Điều chỉnh quy hoạch NTM xã Tr'hy	92.124.000		92.124.000	-	0,00%		0,00%

b.2	Nội dung thành phần số 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	7.000.000	0	7.000.000	0	0,00%		0,00%
1	Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình xã Ch'ôm	7.000.000		7.000.000	-	0,00%		0,00%
b.3	Nội dung thành phần số 6: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn...	6.420.000	0	6.420.000	0	0,00%		0,00%
1	Kinh phí mua sắm trang thiết bị Hội trường - Nhà văn hóa xã Ch'ôm	6.420.000		6.420.000	-	0,00%		0,00%
b.4	Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	828.770	0	828.770	0	0,00%		0,00%
1	Mô hình "Cải tạo cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch đẹp" tuyến đường Đ'hung đi Achoong	828.770		828.770	-	0,00%		0,00%
b.5	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới...	100.000	0	100.000	0	0,00%		0,00%
1	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực truyền thông, thông tin tuyên truyền; giám sát đánh giá xã Gari	100.000		100.000	-	0,00%		0,00%
B	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	13.866.266.732	11.137.109.443	2.729.157.289	1.760.843.000	12,70%	15,81%	0,00%
b	Vốn đầu tư	9.664.472.843	7.970.739.843	1.693.733.000	1.760.843.000	18,22%	22,09%	0,00%
	Trong nước	9.664.472.843	7.970.739.843	1.693.733.000	1.760.843.000	18,22%	22,09%	0,00%
1	Đường từ ĐH 4 xuống mặt bằng NQ23 thôn Agriih, xã Axan	54.441.000	54.441.000		-	0,00%	0,00%	
2	Bê tông hóa mặt đường các tuyến đường đi khu sản xuất thôn Arooi, Ating, xã Gari	809.000		809.000	-	0,00%		0,00%
3	Thủy lợi thôn Abaanh II, xã Tr'hy	648.000	648.000		-	0,00%	0,00%	

4	Trường PTDTBT TH Axan; hạng mục: 03 phòng học (điểm trường chính), 01 nhà vệ sinh, tường rào cổng ngõ (thôn Ga'nil)	14.299.000	14.299.000		-	0,00%	0,00%	
5	Trường PTDT BT Tiểu học Gari, hạng mục: Nhà thi đấu Đa năng và các công trình phụ trợ.	18.263.000		18.263.000	-	0,00%		0,00%
		29.000	29.000		-	0,00%	0,00%	
6	Trường PTDTBT TH Tr'hy; hạng mục: 05 phòng hiệu bộ	7.104.000	7.104.000		-	0,00%	0,00%	
		2.636.000		2.636.000	-	0,00%		0,00%
7	Trường PTDTBT Tiểu học Ch'om; hạng mục: 12 phòng ở học sinh	36.304.000	36.304.000		-	0,00%	0,00%	
	Hội trường, nhà văn hóa xã Ch'om	6.245.000		6.245.000	-	0,00%		0,00%
8	Đường giao thông từ đường ĐT 606 đi khu sản xuất Achâm, thôn Ki'nonh, xã Axan	27.537.000		27.537.000	-	0,00%		0,00%
		7.000.000		7.000.000	-	0,00%		0,00%
		51.464.000	51.464.000		-	0,00%	0,00%	
9	Đường giao thông kết nối từ thôn Abanh-Ariêu; hạng mục: mặt đường, cầu và các công trình trên tuyến, Tr'hy	843	843		-	0,00%	0,00%	
10	Nước sinh hoạt thôn Atu 1 (Khu mới), xã Ch'om	16.409.000	16.409.000		-	0,00%	0,00%	
11	Hạ thế điện thôn Pút (khu 2) xã Gari	1.236.000		1.236.000	-	0,00%		0,00%
		4.025.000	4.025.000		-	0,00%	0,00%	
12	Đường vào Trường THPT Võ Chí Công; hạng mục: cầu, đường dẫn và các công trình trên tuyến	563.000.000	563.000.000		-	0,00%	0,00%	
		410.500.000		410.500.000	-	0,00%		0,00%

13	Đường vào KSX Chi Châm thôn H'júh, xã Ch'ôm (khu sản xuất dược liệu); HM: Mặt đường và CT trên tuyến	232.644.000	232.644.000		-	0,00%	0,00%	
		80.000.000		80.000.000	-	0,00%		0,00%
		140.000.000		140.000.000	-	0,00%		0,00%
13	Đường GT kết nối từ thôn Abanh - Ariêu (giai đoạn 2); HM: Mặt đường, cầu và các CT trên tuyến	4.556.528.000	4.556.528.000		-	0,00%	0,00%	
		940.668.000		940.668.000	-	0,00%		0,00%
15	Đường giao thông từ ĐT 606 đi KSX Achâm, thôn Kinoonh (gđ2); HM: Nền, mặt đường và các CT trên tuyến	49.639.000		49.639.000	-	0,00%		0,00%
		2.000.000.000	2.000.000.000		1.760.843.000	88,04%	88,04%	
16	Đường vào khu sản xuất Chaloóc, thôn Dầm 1	9.200.000		9.200.000	-	0,00%		0,00%
		433.844.000	433.844.000		-	0,00%	0,00%	
c	Vốn sự nghiệp	4.201.793.889	3.166.369.600	1.035.424.289	0	0,00%	0,00%	0,00%
	<i>TDAl-DAI: Duy tu bảo dưỡng các công trình</i>	<i>907.840.000</i>	<i>506.970.000</i>	<i>400.870.000</i>	<i>0</i>	0,00%	0,00%	0,00%
1	Sửa chữa nước sinh hoạt thôn Atu II	24.526.000	24.526.000		-	0,00%	0,00%	
		13.474.000		13.474.000	-	0,00%		0,00%
2	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Ra Nghệ (thôn Ch'nóc), Tavac (thôn Atu I), Lalí (Atu II)	10.349.000	10.349.000		-	0,00%	0,00%	
		59.100.000		59.100.000	-	0,00%		0,00%
3	Sửa chữa thủy lợi Ailen	370.000.000	370.000.000		-	0,00%	0,00%	

3	Sửa chữa máy lặt Anon	62.000.000		62.000.000	-	0,00%		0,00%
4	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thôn G'lao	10.461.000		10.461.000	-	0,00%		0,00%
5	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt thôn Pút	10.922.000	10.922.000		-	0,00%	0,00%	
		67.000.000		67.000.000	-	0,00%		0,00%
6	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông đến thôn Pút (giai đoạn 2)	30.229.000	30.229.000		-	0,00%	0,00%	
		72.630.000		72.630.000	-	0,00%		0,00%
7	Sửa chữa đường giao thông thôn Pút (khu 1)	25.000.000		25.000.000	-	0,00%		0,00%
8	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ Dâm I qua Dâm II	514.000	514.000		-	0,00%	0,00%	
		23.788.000		23.788.000	-	0,00%		0,00%
9	Sửa chữa một số hạng phụ trợ của Trường PTDTBT Tiểu học Tr'hy	3.990.000		3.990.000	-	0,00%		0,00%
10	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt thôn Ki'noonh	60.430.000	60.430.000		-	0,00%	0,00%	
		51.547.000		51.547.000	-	0,00%		0,00%
11	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt thôn Agrih (khu 2)	11.880.000		11.880.000	-	0,00%		0,00%
	DA2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	1.281.676.000	1.005.665.000	276.011.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
1	Dự án phát triển trồng cây Bảy lá một hoa	1.740.000	1.740.000		-	0,00%	0,00%	
		28.540.000		28.540.000	-	0,00%		0,00%

2	Dự án trồng Đắng sâm theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thu sản phẩm	323.000.000	323.000.000		-	0,00%	0,00%	
		45.400.000		45.400.000	-	0,00%		0,00%
3	Dự án phát triển trồng cây Bảy lá một hoa	19.190.000		19.190.000	-	0,00%		0,00%
4	Dự án trồng Sâm bảy lá một hoa theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thu sản phẩm	8.160.000		8.160.000	-	0,00%		0,00%
5	Dự án trồng cây Ba kích theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thu sản phẩm	33.485.000		33.485.000	-	0,00%		0,00%
6	Dự án trồng Sâm 07 lá, 01 hoa (bảy lá một hoa) tại xã Tr'hy	30.200.000	30.200.000		-	0,00%	0,00%	
		8.150.000		8.150.000	-	0,00%		0,00%
7	Dự án trồng Sâm Bảy lá một hoa theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thu sản phẩm	8.160.000		8.160.000	-	0,00%		0,00%
8	Dự án trồng Sa nhân tím theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thu sản phẩm tại xã Axan	22.625.000	22.625.000		-	0,00%	0,00%	
		16.576.000		16.576.000	-	0,00%		0,00%
9	Dự án nuôi Vịt xiêm	5.100.000	5.100.000		-	0,00%	0,00%	
		22.950.000		22.950.000	-	0,00%		0,00%
10	Dự án trồng Gừng sê theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thu sản phẩm	300.000.000	300.000.000		-	0,00%	0,00%	
		40.000.000		40.000.000	-	0,00%		0,00%
11	Dự án giống heo cỏ địa phương (heo đen) theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thu sản phẩm	323.000.000	323.000.000		-	0,00%	0,00%	
		45.400.000		45.400.000	-	0,00%		0,00%

	DA3: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	601.445.889	414.134.600	187.311.289	0	0,00%	0,00%	0,00%
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	601.445.889	414.134.600	187.311.289	0	0,00%	0,00%	0,00%
1	Dự án liên kết trồng cây Cam vinh	42.070.000	42.070.000		-	0,00%	0,00%	
		20.994.000		20.994.000	-	0,00%		0,00%
2	Dự án trồng Đãng sâm theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm tại xã Ch'ôm	89.500.000	89.500.000		-	0,00%	0,00%	
		32.780.000		32.780.000	-	0,00%		0,00%
3	Dự án trồng Gừng theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm tại xã Ch'ôm	140.500.000	140.500.000		-	0,00%	0,00%	
		41.550.000		41.550.000	-	0,00%		0,00%
4	Dự án liên kết trồng cây Cam	12.820.000		12.820.000	-	0,00%		0,00%
5	Dự án trồng Sâm 07 lá, 01 hoa (bảy lá một hoa) theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm tại xã Gari	75.064.600	75.064.600		-	0,00%	0,00%	
		31.579.289		31.579.289	-	0,00%		0,00%
6	Dự án trồng Sâm 07 lá, 01 hoa (bảy lá một hoa) theo chuỗi giá trị gắn giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm tại xã Tr'hy	67.000.000	67.000.000		-	0,00%	0,00%	
		34.998.000		34.998.000	-	0,00%		0,00%
7	Dự án liên kết trồng cây Cam	12.590.000		12.590.000	-	0,00%		0,00%
	DA4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.262.000.000	1.107.200.000	154.800.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	670.000.000	588.000.000	82.000.000	0	0,00%	0,00%	0,00%

1	Các hoạt động phục vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	588.000.000	588.000.000		-	0,00%	0,00%	
		82.000.000		82.000.000	-	0,00%		0,00%
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (áp dụng trên địa bàn các huyện nghèo)</i>	349.600.000	307.200.000	42.400.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
1	Các nội dung hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	307.200.000	307.200.000		-	0,00%	0,00%	
		42.400.000		42.400.000	-	0,00%		0,00%
	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	242.400.000	212.000.000	30.400.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
1	Hỗ trợ việc làm bền vững	212.000.000	212.000.000		-	0,00%	0,00%	
		30.400.000		30.400.000	-	0,00%		0,00%
	<i>DA6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</i>	118.000.000	106.800.000	11.200.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
	<i>Tiểu dự án 1, Dự án 6: Giảm nghèo về thông tin</i>	30.000.000	27.200.000	2.800.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
1	Chi các nội dung ngoài đặc thù	27.200.000	27.200.000		-	0,00%	0,00%	
		2.800.000		2.800.000	-	0,00%		0,00%
	<i>Tiểu dự án 2, Dự án 6: Truyền thông giảm nghèo</i>	88.000.000	79.600.000	8.400.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
1	Các hoạt động truyền thông về giảm nghèo đa chiều trên địa bàn xã	79.600.000	79.600.000		-	0,00%	0,00%	
		8.400.000		8.400.000	-	0,00%		0,00%
	<i>DA7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá</i>	30.832.000	25.600.000	5.232.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	30.832.000	25.600.000	5.232.000	0	0,00%	0,00%	0,00%
1	Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024, 2025	2.832.000		2.832.000	-	0,00%		0,00%

2	Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	25.600.000	25.600.000		-	0,00%	0,00%	
		2.400.000		2.400.000	-	0,00%		0,00%
C	Chương trình KTXH vùng ĐBDTTS và Miền núi	25.187.433.420	20.421.741.400	4.765.692.020	4.603.515.000	18,28%	21,79%	3,23%
c	Vốn đầu tư	10.887.774.000	9.571.243.000	1.316.531.000	4.015.515.000	36,88%	40,34%	11,71%
	Trong nước	10.887.774.000	9.571.243.000	1.316.531.000	4.015.515.000	36,88%	40,34%	11,71%
1	Nước sinh hoạt thôn Ga'nil (khu 3), xã Axan	92.070.000	92.070.000		-	0,00%	0,00%	
2	San ủi mặt bằng trung tâm xã Tr'hy (khu dân cư thôn Achua)	400.000.000	400.000.000		-	0,00%	0,00%	
		48.903.000		48.903.000	-	0,00%		0,00%
		30.000.000		30.000.000	-	0,00%		0,00%
3	Đường giao thông vào khu sản xuất Adó; tuyến đường: Từ mặt bằng thôn Atu I vào cánh đồng Tavac; hạng mục: nền đường và các công trình trên tuyến	2.050.000.000	2.050.000.000		-	0,00%	0,00%	
		37.000.000		37.000.000	-	0,00%		0,00%
		119.404.000		119.404.000	-	0,00%		0,00%
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Dâm I	185.000.000	185.000.000		-	0,00%	0,00%	
5	Hệ thống điện chiếu sáng thôn Ga'nil (khu 2, 3), xã Axan	200.000.000	200.000.000		-	0,00%	0,00%	
6	Trường PTDTBT Tiểu học Tr'hy, hạng mục: Nhà đa năng	14.511.000	14.511.000		-	0,00%	0,00%	
7	Nước sinh hoạt thôn Arooi-Ating	16.425.000	16.425.000		-	0,00%	0,00%	
8	Nước sinh hoạt thôn Cha'nóc	22.825.000	22.825.000		17.087.000	74,86%	74,86%	
9	Mở rộng mặt bằng Atu I (70 hộ) Hạng mục: san nền, các hạng mục dân sinh	1.244.000	1.244.000		-	0,00%	0,00%	

10	Đường giao thông đi khu sản xuất Auốt (Ga'nil-Agriih), xã Axan; hạng mục: Mặt đường và các công trình trên tuyến (chiều dài 2,9km)	38.000		38.000	-	0,00%		0,00%
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Ki'noonh	6.208.000	6.208.000		-	0,00%	0,00%	
		2.800.000		2.800.000	-	0,00%		0,00%
		1.325.000		1.325.000	-	0,00%		0,00%
12	Đường giao thông vào khu sản xuất Abo, thôn Ch'nóc	12.960.000	12.960.000		-	0,00%	0,00%	
13	Đường đi khu sản xuất R'rêeng-Zi'liêng (quanh lòng hồ thủy điện Tr'hy), dài 03 km (giai đoạn 1)	816.000	816.000		-	0,00%	0,00%	
14	Kè mặt bằng thôn Ating (khu 1)	73.279.000	73.279.000		-	0,00%	0,00%	
15	Mương thoát nước MB Atu 1 (khu 2), xã Ch'ôm	50.405.000		50.405.000	18.124.000	35,96%		35,96%
16	Nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Achoong	130.788.000	130.788.000		18.262.000	13,96%	13,96%	
17	Trường PTDTBT Tiểu học Axan, hạng mục: Nhà đa năng và công trình phụ trợ	17.695.000	17.695.000		-	0,00%	0,00%	
18	Trường PTDTBT TH Ch'ôm, hạng mục: Nhà đa năng và công trình phụ trợ	48.402.000	48.402.000		-	0,00%	0,00%	
		50.000.000		50.000.000	-	0,00%		0,00%
19	Trường mầm non liên xã Axan-Tr'hy, hạng mục: 2 phòng học, Nhà công vụ giáo viên, bếp ăn và các công trình phụ trợ khác	4.715.000	4.715.000		-	0,00%	0,00%	
		411.000	411.000		-	0,00%	0,00%	
	Trường mầm non liên xã Ch'ôm-Gari, hạng mục: 2 phòng làm việc, phòng giáo dục nghệ thuật, tường rào, cổng ngõ, sân nền và các công trình phụ trợ khác	889.407.000	889.407.000		-	0,00%	0,00%	
		243.426.000		243.426.000	-	0,00%		0,00%
		170.000.000	170.000.000		-	0,00%	0,00%	
		16.000.000		16.000.000	-	0,00%		0,00%
		50.000.000	50.000.000		-	0,00%	0,00%	

20	Nước sinh hoạt tổ 7, thôn Voong (giai đoạn 2)	457.500.000	457.500.000		-	0,00%	0,00%	
		22.000.000		22.000.000	-	0,00%		0,00%
21	Đường GT đến thôn Atu 1; HM: nền, mặt đường và các CT trên tuyến	120.000.000		120.000.000	-	0,00%		0,00%
		1.303.000.000	1.303.000.000		1.303.000.000	100,00%	100,00%	
22	Đường vào KSX Adhôr, xã Tr'hy; HM: Mặt đường và các CT trên tuyến	16.000.000		16.000.000	-	0,00%		0,00%
		259.000.000	259.000.000		-	0,00%	0,00%	
23	Đường GT vào KSX Aleo, thôn Ating	1.071.500.000	1.071.500.000		871.500.000	81,33%	81,33%	
		80.000.000		80.000.000	54.500.000	68,13%		68,13%
24	Trường PTDTBT Tiểu học xã Tr'hy; HM: Sân nền, tường rào, cổng ngõ điểm trường chính và các điểm trường thôn	17.241.000	17.241.000		-	0,00%	0,00%	
		190.000.000		190.000.000	43.525.000	22,91%		22,91%
25	Trường PTDTBT Tiểu học xã Axan; HM: Nhà công vụ giáo viên, nhà ăn học sinh, khu vệ sinh, sân nền và công trình phụ trợ	96.470.000		96.470.000	38.000.000	39,39%		39,39%
		41.760.000		41.760.000	-	0,00%		0,00%
26	Nâng cấp, cải tạo làng du lịch sinh thái Pomu	151.000.000		151.000.000	-	0,00%		0,00%
		1.965.001.000	1.965.001.000		1.651.517.000	84,05%	84,05%	
27	Vườn ươm Đảng sâm	111.245.000	111.245.000		-	0,00%	0,00%	
	Vốn sự nghiệp	14.299.659.420	10.850.498.400	3.449.161.020	588.000.000	4,11%	5,42%	0,00%
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.027.695.020	623.789.000	403.906.020	-	0,00%	0,00%	0,00%
	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	111.511.000	98.741.000	12.770.000	-	0,00%	0,00%	0,00%
1	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2024 (20ha) tại xã Tr'hy	98.741.000	98.741.000		-	0,00%	0,00%	
		12.770.000		12.770.000	-	0,00%		0,00%

	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	916.184.020	525.048.000	391.136.020	-	0,00%	0,00%	0,00%
2	Dự án phát triển trồng cây dược liệu Đảng Sâm (07 ha)	251.000.000	251.000.000		-	0,00%	0,00%	
		90.459.000		90.459.000	-	0,00%		0,00%
3	Dự án phát triển trồng Gừng (Gừng sẻ 5 ha)	10.680.000		10.680.000	-	0,00%		0,00%
4	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết: Dự án phát triển Sâm bảy lá một hoa	20.035.000		20.035.000	-	0,00%		0,00%
5	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý hoặc hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế	7.740.000		7.740.000	-	0,00%		0,00%
6	Hỗ trợ trồng cây Cam	17.470.000		17.470.000	-	0,00%		0,00%
7	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết: Dự án phát triển Sâm bảy lá một hoa	6.048.000	6.048.000		-	0,00%	0,00%	
		23.497.020		23.497.020	-	0,00%		0,00%
8	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trồng Ba kích, trên địa bàn xã Tr'hy	12.000.000	12.000.000		-	0,00%	0,00%	
		15.880.000		15.880.000	-	0,00%		0,00%
9	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết: Dự án trồng cây Quế	32.000.000	32.000.000		-	0,00%	0,00%	
		79.885.000		79.885.000	-	0,00%		0,00%
10	Dự án phát triển trồng cây Cam Vinh	10.050.000		10.050.000	-	0,00%		0,00%
11	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết: Dự án phát triển cây Sâm bảy lá một hoa	128.000.000	128.000.000		-	0,00%	0,00%	
		74.300.000		74.300.000	-	0,00%		0,00%
12	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết: Dự án phát triển Sâm bảy lá một hoa	48.000.000	48.000.000		-	0,00%	0,00%	
		9.000.000		9.000.000	-	0,00%		0,00%
13	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết: Dự án phát triển Sâm bảy lá một hoa	10.110.000		10.110.000	-	0,00%		0,00%

14	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết: Dự án phát triển Đẳng sâm	10.140.000		10.140.000	-	0,00%		0,00%
15	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết: Dự án phát triển Sâm bảy lá một hoa	48.000.000	48.000.000		-	0,00%	0,00%	
		7.000.000		7.000.000	-	0,00%		0,00%
16	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết: Dự án phát triển Sâm Ba kích tím	4.890.000		4.890.000	-	0,00%		0,00%
	Dự án 4-Tiểu DAI: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDTTS&MN	13.271.964.400	10.226.709.400	3.045.255.000	588.000.000	4,43%	5,75%	0,00%
1	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt các thôn: Cha'lăng, Nhung	832.000	832.000		-	0,00%	0,00%	
		47.400.000		47.400.000	-	0,00%		0,00%
2	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Ch'om	92.555.000	92.555.000		-	0,00%	0,00%	
		69.000.000		69.000.000	-	0,00%		0,00%
3	Sửa chữa nước sinh hoạt Trường PTDTBT THCS&TH xã Ch'om	160.000.000	160.000.000		-	0,00%	0,00%	
		14.000.000		14.000.000	-	0,00%		0,00%
4	Sửa chữa điện trường chính và các điểm trường thôn Trường MGLX Ch'om -Gari (trên địa bàn xã Ch'om) và điểm trường chính Trường PTDTBT TH&THCS xã Ch'om	345.200.000	345.200.000		-	0,00%	0,00%	
		64.800.000		64.800.000	-	0,00%		0,00%
5	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Ch'om (giai đoạn 1)	90.000.000	90.000.000		-	0,00%	0,00%	
		33.000.000		33.000.000	-	0,00%		0,00%
6	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Ch'om (giai đoạn 2)	110.000.000	110.000.000		-	0,00%	0,00%	
		36.000.000		36.000.000	-	0,00%		0,00%
7	Sửa chữa Trạm y tế xã Ch'om (giai đoạn 2)	9.417.000	9.417.000		-	0,00%	0,00%	
		100.000.000		100.000.000	-	0,00%		0,00%
8	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt thôn Achoong	40.000.000	40.000.000		-	0,00%	0,00%	
		24.000.000		24.000.000	-	0,00%		0,00%

9	Sửa chữa đường giao thông Cha'lăng - Achoong	190.000.000	190.000.000		-	0,00%	0,00%	
		20.965.000		20.965.000	-	0,00%		0,00%
10	Sửa chữa đường bê tông và mương thoát nước thôn Achoong	160.000.000	160.000.000		-	0,00%	0,00%	
		10.000.000		10.000.000	-	0,00%		0,00%
11	Sửa chữa nước sinh hoạt thôn Atu I (nhóm 2, Bhadal).	170.000.000	170.000.000		-	0,00%	0,00%	
		9.000.000		9.000.000	-	0,00%		0,00%
12	Sửa chữa khu thể thao các thôn: Achoong, Nhung và Cha'lăng (hạng mục: Sân nền, các thiết bị thể thao khác)	20.000.000	20.000.000		-	0,00%	0,00%	
		96.214.000		96.214.000	-	0,00%		0,00%
13	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn thôn Pút	110.000.000	110.000.000		-	0,00%	0,00%	
		35.000.000		35.000.000	-	0,00%		0,00%
14	Sửa chữa đường giao thông nội vùng các thôn: Ating (khu 2), Dading, Pút (khu 2)	90.000.000	90.000.000		-	0,00%	0,00%	
		30.000.000		30.000.000	-	0,00%		0,00%
15	Sửa chữa đường giao đi khu dân cư Chigô	90.000.000	90.000.000		-	0,00%	0,00%	
		36.000.000		36.000.000	-	0,00%		0,00%
16	Sửa chữa đường giao thông khớp nối ĐH4 đến các thôn: Arooi, Ating	1.772.943.000	1.772.943.000		-	0,00%	0,00%	
		244.000.000		244.000.000	-	0,00%		0,00%
17	Sửa chữa Trường PTDTBT Tiểu học Gari (Trường chính); Hạng mục: Sơn sửa 10 phòng học, hệ thống điện, lắp gạch 10 phòng học, khu vệ sinh, tường rào, cổng ngõ và nhà ở công vụ	115.364.000		115.364.000	-	0,00%		0,00%
18	Sửa chữa Trường PTDTBT Tiểu học Gari và Trường Mầm non (điểm trường G'lao); hạng mục: Sơn sửa phòng học, tường rào, cổng ngõ, sân nền và nhà ở giáo viên	48.315.000	48.315.000		-	0,00%	0,00%	
		48.956.000		48.956.000	-	0,00%		0,00%
19	Sửa chữa Thủy lợi Irại (thôn Arooi, Ating)	1.480.000.000	1.480.000.000		588.000.000	39,73%	39,73%	

19	Sửa chữa Thủy lợi tại (thôn Abooi, Aung)	118.371.000		118.371.000	-	0,00%		0,00%
20	Sửa chữa Đường giao thông nội vùng và mương thoát nước thôn Da'ding (khu 1)	460.000.000	460.000.000		-	0,00%	0,00%	
		75.000.000		75.000.000	-	0,00%		0,00%
21	Sửa chữa các điểm trường thôn Trường PTDTBT TH Tr'hy	564.000.000	564.000.000		-	0,00%	0,00%	
		80.000.000		80.000.000	-	0,00%		0,00%
22	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt các thôn và trung tâm xã Tr'hy	532.620.000	532.620.000		-	0,00%	0,00%	
		69.000.000		69.000.000	-	0,00%		0,00%
23	Sửa chữa mương thoát nước mặt bằng các thôn: Abaanh I, Voong	170.000.000	170.000.000		-	0,00%	0,00%	
		48.000.000		48.000.000	-	0,00%		0,00%
24	Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng thôn Voong, thôn Abanh I và Abanh II	75.000.000	75.000.000		-	0,00%	0,00%	
		30.000.000		30.000.000	-	0,00%		0,00%
25	Sửa chữa đường bê tông thôn Voong	830.000.000	830.000.000		-	0,00%	0,00%	
		132.000.000		132.000.000	-	0,00%		0,00%
26	Sửa chữa đường bê tông nông thôn Abaanh 1 (Tổ 1-2)	480.000.000	480.000.000		-	0,00%	0,00%	
		12.884.000		12.884.000	-	0,00%		0,00%
27	Sửa chữa nước sinh hoạt thôn Voong (3 khu)	220.000.000	220.000.000		-	0,00%	0,00%	
		24.000.000		24.000.000	-	0,00%		0,00%
28	Sửa chữa mương thoát nước mặt bằng thôn Abaanh II	330.000.000	330.000.000		-	0,00%	0,00%	
		43.000.000		43.000.000	-	0,00%		0,00%
29	Nâng cấp sửa chữa Trường mầm non Liên xã A xan-Tr'hy (điểm trường thôn Voong)	24.241.000		24.241.000	-	0,00%		0,00%
30	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt thôn T'râm	3.585.000		3.585.000	-	0,00%		0,00%

31	Sửa chữa các điểm trường thôn Trường MNLX Axan-Tr'hy (trên địa bàn xã Axan)	83.779.000	83.779.000		-	0,00%	0,00%	
		78.000.000		78.000.000	-	0,00%		0,00%
32	Sửa chữa hệ thống thoát nước mặt bằng các thôn: Ki'nonh, Agriih	474.246.000	474.246.000		-	0,00%	0,00%	
		170.000.000		170.000.000	-	0,00%		0,00%
33	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt các thôn trên địa bàn xã Axan	167.300.000	167.300.000		-	0,00%	0,00%	
		170.000.000		170.000.000	-	0,00%		0,00%
34	Sửa chữa đường giao thông nội vùng các thôn: Ki'nonh, Ganil (khu 2)	100.609.000	100.609.000		-	0,00%	0,00%	
		122.000.000		122.000.000	-	0,00%		0,00%
35	Sửa chữa Trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	137.505.000	137.505.000		-	0,00%	0,00%	
		110.000.000		110.000.000	-	0,00%		0,00%
36	Sửa chữa đường giao thông nội vùng thôn Agriih (khu 1)	8.941.000	8.941.000		-	0,00%	0,00%	
		160.000.000		160.000.000	-	0,00%		0,00%
37	Sửa chữa mương thoát nước mặt bằng thôn Arâng (khu 3)	94.188.000	94.188.000		-	0,00%	0,00%	
		120.000.000		120.000.000	-	0,00%		0,00%
38	Sửa chữa Trường PTDT BT THCS Lý Tự Trọng; hạng mục: Khu nội trú, khu vệ sinh, tường rào công ngõ và các công trình phụ trợ khác	51.799.400	51.799.400		-	0,00%	0,00%	
		175.000.000		175.000.000	-	0,00%		0,00%
39	Sửa chữa Trường PTDTBT Tiểu học Axan, điểm trường thôn Ki'noonh	40.460.000	40.460.000		-	0,00%	0,00%	
		110.000.000		110.000.000	-	0,00%		0,00%
40	Sửa chữa trụ sở làm việc xã Axan	72.475.000		72.475.000	-	0,00%		0,00%
41	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông và mương thoát nước quanh mặt bằng thôn Ariing	427.000.000	427.000.000		-	0,00%	0,00%	
		64.000.000		64.000.000	-	0,00%		0,00%